

**ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP  
LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH DƯỢC**

**I. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO**

**1. Danh sách các phòng chức năng**

Các thiết bị đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng được sắp xếp vào các phòng chức năng phục vụ đào tạo, bao gồm:

1. Phòng kỹ thuật cơ sở
2. Phòng thực hành máy vi tính
3. Phòng học ngoại ngữ
4. Phòng thực hành Y sinh
5. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược học cổ truyền
6. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm
7. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng
8. Phòng thực hành Bào chế
9. Phòng Thực hành bán thuốc

**2. Mô tả các phòng chức năng**

**2.1. Phòng kỹ thuật cơ sở**

Phòng học kỹ thuật cơ sở là phòng được trang bị các thiết bị sử dụng để dạy và học các nội dung lý thuyết và những nội dung thực hành đơn giản của các môn học, mô đun của ngành, nghề. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 35 sinh viên.

**2.2. Phòng thực hành máy vi tính**

Phòng thực hành máy vi tính là phòng dùng để dạy và học môn Tin học cơ sở. Phòng cũng được sử dụng để hỗ trợ nội dung thực hành của các môn học, mô đun khác như Dược lâm sàng, Kỹ năng giao tiếp bán hàng Dược phẩm... có sử dụng máy vi tính, mạng máy tính và các chương trình máy tính (phần mềm). Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

**2.3. Phòng học ngoại ngữ**

Phòng học ngoại ngữ là phòng dùng để dạy và học ngoại ngữ (tiếng nước ngoài) trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phòng được trang bị các thiết bị hiển thị hình ảnh, phát âm thanh, ghi âm và các loại học liệu để học và thực hành sử dụng ngoại ngữ. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.4. Phòng thực hành Y sinh**

Phòng thực hành Y sinh là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học liên quan đến y học như Giải phẫu, Bệnh học, Vi sinh ký sinh v.v... Bên cạnh đó, phòng còn được sử dụng để hỗ trợ sinh viên trong quá trình thực hiện sơ cứu cơ bản. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.5. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền**

Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược cổ truyền là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học, mô đun liên quan đến Thực vật, Dược liệu và Dược cổ truyền. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để nhận thức hình thái thực vật, dược liệu, vị thuốc cổ truyền; định tính, định lượng các hoạt chất trong dược liệu và vị thuốc. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.6. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm**

Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm là phòng tích hợp được sử dụng để dạy và học các môn học, mô đun liên quan đến lĩnh vực Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích, Hóa dược, Kiểm nghiệm. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để thực hành các phản ứng hóa học xác định thành phần, tính chất của các hợp chất vô cơ, hữu cơ, tiến hành các phương pháp định tính, định lượng nguyên liệu làm thuốc, pha các loại thuốc thử, kiểm nghiệm chất lượng mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.7. Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng**

Phòng thực hành Dược lý – Dược lâm sàng là phòng thực hành được sử dụng để dạy và học các môn liên quan đến Dược lý, Dược lâm sàng. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để thực hiện các thí nghiệm tác dụng dược lý của thuốc, thực hành nhận biết các nội dung trên nhãn thuốc, tra cứu các thông tin về thuốc... và hướng dẫn sử dụng các thuốc, nhóm thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.8. Phòng thực hành Bào chế**

Phòng thực hành Bào chế là phòng thực hành được sử dụng để dạy và học môn học, mô đun liên quan đến bào chế, sản xuất các dạng thuốc cơ bản. Phòng được trang bị các thiết bị, dụng cụ, học liệu để sinh viên thực hành pha chế, sản xuất các dạng thuốc cơ bản theo quy trình; thực hành kỹ năng vận hành, vệ sinh, bảo quản thiết bị. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

#### **2.9. Phòng thực hành bán thuốc**

Phòng thực hành bán thuốc là phòng để sinh viên thực hành các kỹ năng sắp xếp,

trung bày, bảo quản, cấp phát/bán, hướng dẫn tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, vật tư y tế. Phòng phải đáp ứng được mô hình một cơ sở bán lẻ thuốc đạt chuẩn “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”. Các thiết bị đào tạo trong phòng được thiết kế cho lớp học với số lượng tối đa 18 sinh viên.

### 3. Tổng hợp các thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng

#### 3.1. Phòng kỹ thuật cơ sở

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu	Bộ	1
3	Máy in	Chiếc	1
4	Máy photo	Chiếc	1
5	Máy scan	Chiếc	1
6	Mô hình cơ thể bán thân có nội tạng	Bộ	8
7	Mô hình giải phẫu tim	Bộ	8
8	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
10	Mô hình giải phẫu não	Bộ	3
11	Túi cấp cứu	Túi	1
12	Âm kế	Chiếc	1
13	Nhiệt kế phòng	Chiếc	1
14	Bộ Atlat giải phẫu các cơ quan (hô hấp, tiết niệu, thần kinh, sinh dục...)	Bộ	1
15	Bộ ảnh mẫu thực vật	Bộ	1
	<i>Ảnh cây thuốc</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Ảnh vi phẫu lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Sơ đồ cấu tạo lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Ảnh hoa, quả và hạt, tế bào mô</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Ảnh hình thái lá cây, thân cây, rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
16	Các chế phẩm thuốc	Bộ	1
17	Vỏ hộp thuốc và thuốc mẫu đại diện các nhóm thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu hiện hành)	Bộ	1
18	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	1
19	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	1
20	MIMS	Quyển	1
31	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	1
22	Luật dược	Quyển	1
23	Các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	1

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
24	Bộ Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	1
25	Mẫu Phiếu nhập – xuất hàng – hóa đơn	Phiếu	1
26	Mẫu Phiếu lĩnh thuốc/hóa chất/vật tư y tế	Phiếu	1
27	Các loại hồ sơ sổ sách theo quy định “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”	Bộ	1
28	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
29	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1
30	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1

### **3.2. Phòng thực hành máy vi tính**

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>STT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	33
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	02
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phong chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chiếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01
9	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	01
10	Các phần mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	01

### **3.3. Phòng ngoại ngữ**

- Số lượng phòng: 01

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khô điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01
4	Khô điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
5	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
6	Máy vi tính	Bộ	19
7	Tai nghe	Bộ	54
8	Máy scanner	Chiếc	01
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	01

### 3.4. Phòng thực hành Y sinh

- Số lượng phòng: 02

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Kính hiển vi quang học	Chiếc	35
2	Máy vi tính	Bộ	1
3	Máy chiếu	Bộ	2
4	Mô hình cơ thể bán thân có nội tạng	Bộ	8
5	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	4
6	Mô hình giải phẫu tim	Bộ	5
7	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	4
8	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	3
9	Mô hình giải phẫu não	Bộ	5
10	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	9
11	Ống nghe	Chiếc	9
12	Nhiệt kế y tế	Chiếc	12
13	Máy đo huyết áp	Chiếc	12
14	Bộ tiêu bản mẫu trứng các loại giun, sán	Bộ	9
15	Túi cấp cứu	Túi	9
16	Bộ vòi rửa cấp cứu	Bộ	1
17	Bộ Atlas giải phẫu các cơ quan (hô hấp, tiết niệu, thần kinh, sinh dục...)	Bộ	3

### 3.5. Phòng thực hành Hóa - Kiểm nghiệm

- Số lượng phòng: 3

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
2	Máy quang phổ UV - VIS	Bộ	1
3	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
5	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
6	Máy đo điểm chảy	Chiếc	1
7	Phân cực kế	Chiếc	1
8	Máy đo pH	Chiếc	2
9	Máy chuẩn độ đo thế	Chiếc	1
10	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
11	Máy ly tâm	Chiếc	1
12	Bộ thiết bị lọc hút chân không đồng bộ (bình hút chân không, máy hút chân không, phễu lọc)	Bộ	4
13	Thiết bị thử độ hòa tan	Bộ	1
14	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
15	Nồi hấp tiệt trùng	Chiếc	1
16	Tủ an toàn sinh học	Chiếc	1
17	Tủ âm	Chiếc	1
18	Tủ lạnh	Chiếc	1
19	Tủ sấy	Chiếc	1
20	Tủ âm sâu	Chiếc	1
21	Lò nung	Chiếc	1
22	Máy vi tính	Bộ	1
23	Máy chiếu	Bộ	1
24	Máy in	Chiếc	1
25	Hệ thống sắc kí lỏng hiệu năng cao (HPLC) (Thực tập tại Doanh nghiệp)	HT	1
26	Bể rửa siêu âm	Chiếc	1
27	Đèn tử ngoại soi bản mỏng	Chiếc	1
28	Máy đo độ cứng của viên	Chiếc	1
29	Máy đo độ mài mòn của viên	Chiếc	1
30	Máy lắc tròn	Chiếc	1
31	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2
32	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
33	Ống mao quản chấm sắc kí	Chiếc	54
34	Ấm kê	Chiếc	1
35	Nhiệt kế	Chiếc	9
36	Nhiệt kế phòng	Chiếc	1
37	Bộ lọ đựng hóa chất đếm giọt	Bộ	1
	<i>Loại không màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>30</i>
	<i>Loại tối màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>25</i>
38	Bộ lọ đựng hóa chất nút mài	Bộ	1
	<i>Loại không màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>6</i>
	<i>Loại tối màu</i>	<i>Lọ</i>	<i>15</i>
39	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	<i>10</i>

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
40	Micropipet	Chiếc	6
41	Bộ Pipet có bầu	Bộ	9
	<i>Loại 1 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 2 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 5 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
42	Bộ Pipet chia vạch	Bộ	6
	<i>Loại 1ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 5ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
	<i>Loại 20ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>1</i>
43	Pipet Pasteur	Chiếc	20
44	Quả bóp cao su	Chiếc	20
45	Bộ bình định mức có nút mài	Bộ	1
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>6</i>
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>6</i>
46	Bộ ống đong	Bộ	1
	<i>Loại 5ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 25 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 50ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>15</i>
	<i>Loại 1000ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>10</i>
47	Bộ cốc chân	Bộ	1
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>15</i>
	<i>Loại 1000 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>5</i>
48	Bộ cốc có mỏ	Bộ	1
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>36</i>
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
	<i>Loại 1000 ml</i>	<i>Chiếc</i>	<i>3</i>
49	Bộ cối chày	Bộ	20

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
50	Đũa thủy tinh	Chiếc	20
51	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	20
52	Chén sứ	Chiếc	20
53	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
54	Giá lọc	Bộ	6
55	Bộ phễu lọc	Bộ	1
	<i>Loại phễu <math>\varnothing</math> 5 - 7cm</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại phễu <math>\varnothing</math> 10 - 15cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
56	Bộ bình nón có nút mài	Bộ	1
	<i>Bình nón có nút mài 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	36
	<i>Bình nón có nút mài 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	18
57	Bộ bình nón thường (không có nút mài)	Bộ	1
	<i>Bình nón 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	36
	<i>Bình nón 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	18
58	Buret 25 ml	Chiếc	20
59	Giá đỡ buret, kẹp buret	Bộ	30
60	Bộ bình lắng gạn	Bộ	18
	<i>Loại 50 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
61	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20 x 30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại 30 x 40 cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
62	Bộ giá đựng, ống nghiệm	<i>Bộ</i>	<i>1</i>
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 5 ml</i>	<i>Bộ</i>	<i>10</i>
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 10 ml</i>	<i>Bộ</i>	<i>10</i>
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml</i>	<i>Bộ</i>	<i>10</i>
	<i>Kẹp ống nghiệm</i>	<i>Chiếc</i>	<i>20</i>
63	Ống nghiệm so sánh	Chiếc	10
64	Ống mao quản đo độ chảy	Chiếc	54
65	Kẹp ống nghiệm	Chiếc	20
66	Đĩa petri	Cặp	36
67	Ống nghiệm có nắp vặn 20 ml	cái	20
68	Hộp lồng sấy đĩa petri	cái	3
69	Que cấy platin	cái	2
70	Que cấy polymer (nhựa)	cái	18

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>
71	Que chang (tam giác)	cái	2
72	Kính bảo vệ mắt	Chiếc	18
73	Tủ đựng hóa chất	Chiếc	4
74	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
75	Túi cấp cứu	Túi	1
76	Bộ vòi rửa cấp cứu	Bộ	1
77	Bản Quy trình thực hiện phản ứng hóa học	Bản	10
78	Bản Quy trình kỹ thuật kiểm nghiệm hóa dược, dạng thuốc ...	Bản	10
79	Dược điển Việt Nam	Quyển	10
80	Hướng dẫn sử dụng các thiết bị (cân, máy quang phổ UV-VIS, máy đo pH, máy đo điểm chảy, HPLC,...)	Tờ	5

### **3.6. Phòng thực hành Thực vật - Dược liệu - Dược học cổ truyền**

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Kính hiển vi quang học	Chiếc	18
2	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	2
3	Cân xác định hàm ẩm	Chiếc	1
4	Bếp đun bình cầu	Chiếc	4
5	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
6	Tủ sấy	Chiếc	2
7	Tủ sấy chân không	Chiếc	1
8	Đèn tử ngoại soi bản mỏng	Chiếc	1
9	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
10	Máy vi tính	Bộ	1
11	Máy chiếu	Bộ	1
12	Máy in	Chiếc	1
13	Máy hút ẩm	Chiếc	1
14	Máy hàn túi PE	Chiếc	1
15	Cân đĩa đồng hồ	Chiếc	1
16	Bộ lọ đựng hóa chất có nút mài đếm giọt	Bộ	1
	<i>Loại không màu</i>	<i>Lọ</i>	30
	<i>Loại tối màu</i>	<i>Lọ</i>	25
17	Bình đựng dung môi chạy sắc ký	Chiếc	2

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
18	Dụng cụ phun thuốc thử	Chiếc	1
19	Khay sứ trắng	Chiếc	10
20	Bình cầu có sinh hàn ngược	Chiếc	1
21	Bộ Soxhlet	Bộ	1
22	Bộ dụng cụ cất tinh dầu	Bộ	4
23	Bộ bình lắng gạn	Bộ	1
	<i>Loại 50 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	6
24	Bộ Pipet có bầu	Bộ	1
	<i>Loại 1 ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 2 ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 5 ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
25	Bộ ống đong	Bộ	1
	<i>Loại 5 ml</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Loại 10 ml</i>	<i>Chiếc</i>	2
	<i>Loại 500 ml</i>	<i>Chiếc</i>	2
	Bộ Pipet chia vạch	Chiếc	6
26	Bộ bình định mức	Bộ	1
	<i>Loại 25 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
27	Pipet Pasteur	Chiếc	36
28	Bộ cốc có mỏ	Bộ	1
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
29	Bộ cốc chân	Bộ	1
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 500 ml</i>	<i>Chiếc</i>	3
30	Đũa thủy tinh	Chiếc	10
31	Giá lọc	Bộ	6
32	Bộ phễu lọc	Bộ	1
	<i>Loại phễu <math>\varnothing</math> 5-7 cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại phễu <math>\varnothing</math> 10 -15 cm</i>	<i>Chiếc</i>	5
33	Bộ bình nón có nút mài		
	<i>Loại 100 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	9
	<i>Loại 500 ml</i>	<i>Chiếc</i>	9
35	Bộ cối chày	Chiếc	6
36	Bình hút âm	Chiếc	2

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
37	Dao	Chiếc	2
38	Bộ dụng cụ cắt tiêu bản cầm tay (trục cắt, dao cắt)	Bộ	6
39	Kim mũi mác	Chiếc	20
40	Phiên kính/lamen	Hộp	10
41	Chén sứ	Chiếc	15
42	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	36
43	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
44	Hộp lồng petri	Chiếc	18
45	Kính lúp	Chiếc	6
46	Bộ giá đựng, ống nghiệm	Bộ	1
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 5 ml</i>	<i>Bộ</i>	6
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 10 ml</i>	<i>Bộ</i>	6
	<i>Bộ giá đựng, ống nghiệm 20 ml</i>	<i>Bộ</i>	6
	<i>Kẹp ống nghiệm</i>	<i>Chiếc</i>	20
47	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20 x 30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	18
	<i>Loại 30 x 40 cm</i>	<i>Chiếc</i>	6
48	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	3
49	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
50	Bếp	Chiếc	3
51	Chảo	Chiếc	3
52	Thuyền tán	Chiếc	2
53	Dao cầu	Chiếc	3
54	Bộ chiết xuất ngấm kiệt	Bộ	2
55	Ấm sắc thuốc	Chiếc	6
56	Bộ cối chày	Bộ	9
57	Bộ rây	Chiếc	6
58	Bộ ảnh mẫu thực vật		1
	<i>Ảnh cây thuốc</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Ảnh vi phẫu lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Sơ đồ cấu tạo lá cây, Thân cây, Rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Ảnh hoa, quả và hạt, tế bào mô</i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Ảnh hình thái lá cây, thân cây, rễ cây</i>	<i>Bộ</i>	1
59	Bộ Tiêu bản mẫu thực vật	Bộ	8
60	Cây thuốc nam	Loài	70

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
61	Bản Quy trình kỹ thuật sử dụng kính hiển vi, thiết bị máy móc ...	Bộ	1

### 3.7. Phòng thực hành Dược lý - Dược lâm sàng

- Số lượng phòng: 2

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Cân thường</i>	<i>Chiếc</i>	1
2	Máy vi tính có kết nối mạng internet	Bộ	1
3	Máy chiếu	Bộ	1
4	Máy in	Chiếc	1
5	Cốc chân 100 ml	Chiếc	6
6	Bộ ống đong	Bộ	6
	<i>Loại 5ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
7	Pipet Pasteur	Chiếc	10
8	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20 x 30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	18
	<i>Loại 30 x 40 cm</i>	<i>Chiếc</i>	4
9	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	2
10	Bộ cốc có mỏ	Bộ	6
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 250 ml</i>	<i>Chiếc</i>	10
11	Đũa thủy tinh	Chiếc	20
12	Bộ dụng cụ mổ động vật thí nghiệm (kéo, panh, bàn giữ, dao)	Bộ	6
13	Ống nghe	Chiếc	6
14	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	8
15	Chậu thủy tinh	Chiếc	6
16	Hộp giữ chuột để tiêm	Chiếc	6
17	Lồng nhốt chuột	Chiếc	2
18	Kim đầu tù (cho chuột uống thuốc)	Chiếc	18
19	Hộp giữ thỏ để tiêm thuốc	Chiếc	3

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
20	Lồng nhốt thô	Chiếc	2
21	Bộ chế phẩm thuốc	Bộ	9
22	Đơn thuốc mẫu theo nhóm bệnh	Bộ	18
23	Dược thư quốc gia Việt Nam	Quyển	6
24	MIMS	Quyển	6
25	Thuốc biệt dược và cách sử dụng	Quyển	6
26	Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định	Quyển	6
27	Các bản mềm tra cứu thông tin hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ	1

### **3.8. Phòng thực hành Bào chế**

- Số lượng phòng: 3

- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Bể điều nhiệt	Chiếc	1
2	Bộ cân	Bộ	1
	<i>Cân kỹ thuật</i>	<i>Chiếc</i>	6
	<i>Cân phân tích</i>	<i>Chiếc</i>	2
3	Máy nghiền trục (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
4	Máy rây rung (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
5	Máy trộn bột khô, bột ẩm (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
6	Máy kiểm tra độ dẻo của bột (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
7	Máy xát hạt (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
8	Máy chỉnh hạt (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
9	Máy dập viên 1 chày	Chiếc	1
10	Máy bao phim	Chiếc	1
11	Máy đo độ cứng viên nén	Chiếc	1
12	Hệ thống trộn đùn vo, tạo cầu (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
13	Máy mở vỏ nang	Chiếc	1
14	Máy đóng nang (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
15	Thiết bị thử độ rã	Bộ	1
16	Thiết bị thử độ hòa tan	Chiếc	1
17	Máy ép vỉ (doanh nghiệp)	Chiếc	
18	Máy hàn túi PE	Chiếc	1
19	Thiết bị kiểm tra độ kín của bao bì (Thực tập tại	Chiếc	

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
	doanh nghiệp)		
20	Máy đóng tuýp thuốc mỡ (Thực tập tại doanh nghiệp)	Chiếc	
21	Máy khuấy từ gia nhiệt	Chiếc	1
22	Máy lọc nén	Chiếc	1
23	Máy soi độ trong	Chiếc	1
24	Máy ép nút nhôm	Chiếc	1
25	Máy cất nước	Chiếc	1
26	Hệ thống xử lý nước RO	Chiếc	1
27	Tủ lạnh	Chiếc	1
28	Tủ sấy	Chiếc	1
29	Tủ hút khí độc phòng thí nghiệm	Chiếc	1
30	Máy đo pH	Chiếc	1
31	Máy đo hàm ẩm	Chiếc	1
32	Máy quang phổ UV-VIS	Chiếc	1
33	Bộ chiết xuất ngâm kiệt	Bộ	1
34	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
36	Máy vi tính	Bộ	1
37	Máy chiếu	Bộ	1
38	Máy in	Cái	1
39	Alcol kế bách phân	Chiếc	20
40	Nhiệt kế bách phân	Chiếc	20
41	Phù kế Baume	Chiếc	20
42	Bộ rây	Bộ	2
43	Bộ cối chày	Bộ	20
	<i>Loại cối <math>\phi 10</math></i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Loại cối <math>\phi 15</math></i>	<i>Bộ</i>	1
	<i>Loại cối <math>\phi 20</math></i>	<i>Bộ</i>	1
44	Bộ cốc chân	Bộ	20
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
45	Bộ cốc có mỏ	Bộ	20
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 200ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	1

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
	<i>Loại 1000ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
46	Bộ đèn cồn, kiềng ba chân và lưới amiăng	Bộ	20
47	Đũa thủy tinh	Chiếc	30
48	Giá lọc	Chiếc	20
49	Bộ Phễu lọc	Chiếc	1
	<i>Loại phễu <math>\varnothing</math> 5 - 7cm</i>	<i>Chiếc</i>	20
	<i>Loại phễu <math>\varnothing</math> 10 - 15cm</i>	<i>Chiếc</i>	10
50	Bộ khay đựng	Bộ	1
	<i>Loại 20x30 cm</i>	<i>Chiếc</i>	18
	<i>Loại 40x50cm</i>	<i>Chiếc</i>	2
51	Bộ ống đong	Bộ	20
	<i>Loại 10ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 100ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 250ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	<i>Loại 500ml</i>	<i>Chiếc</i>	1
	Pipet Pasteur	Bộ	15
52	Quả bóp cao su	Chiếc	20
53	Mặt kính đồng hồ	Chiếc	54
54	Bộ khuôn thuốc	Bộ	2
	<i>Khuôn thuốc đạn</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Khuôn thuốc trứng</i>	<i>Chiếc</i>	6
55	Khuôn đóng nang thủ công	Bộ	10
56	Bộ chiết xuất ngâm kiệt	Bộ	1
57	Bộ cô cao dược liệu	Bộ	1
58	Chảo	Chiếc	6
59	Bếp	Chiếc	6
60	Bát sứ, thìa sứ	Bộ	18
61	Bộ bình đựng nước cất	Bộ	1
	<i>Loại 1 lít</i>	<i>Chiếc</i>	10
	<i>Loại 20 lít</i>	<i>Chiếc</i>	2
62	Bản Quy trình vận hành thiết bị	Bộ	5
63	Bản Quy trình kỹ thuật bào chế các dạng thuốc	Bộ	8

### 3.9. Phòng Thực hành bán thuốc

- Số lượng phòng: 1
- Diện tích: 73m<sup>2</sup>/phòng

<b>TT</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
1	Máy vi tính	Bộ	1
2	Máy chiếu	Bộ	1
	Máy in	Chiếc	1
3	Máy hút ẩm không khí	Chiếc	1
4	Điều hòa nh độ	Chiếc	1
5	Tủ lạnh	Chiếc	1
6	Hệ thống tủ quây, giá, kệ trưng bày, bảo quản thuốc	Bộ	1
7	Bàn, ghế tư vấn	Bộ	1
8	Bồn rửa tay	Chiếc	1
9	Ghế ngồi chờ	Chiếc	9
10	Tủ ra lẻ thuốc	Bộ	1
11	Nhiệt kế, âm kế tự ghi	Chiếc	3
12	Bình cứu hỏa	Bình	2
13	Khay đếm thuốc	Chiếc	6
14	Máy tính	Chiếc	4
15	Nhiệt kế y tế	Chiếc	6
16	Máy đo huyết áp	Chiếc	6
17	Vỏ hộp thuốc và thuốc mẫu đại diện các nhóm thuốc theo danh mục thuốc thiết yếu hiện hành)	Bộ	1
18	Các đơn thuốc thực hành hoặc mô phỏng	Bộ	1
19	Mẫu Phiếu nhập – xuất hàng – hóa đơn	Phiếu	10
20	Mẫu Phiếu lĩnh thuốc/hóa chất/vật tư y tế	Phiếu	20
21	Bộ Quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	9
22	Luật dược	Quyển	6
23	Các văn bản quy phạm pháp luật tại cơ sở bán lẻ thuốc	Bộ	6
24	Dược thư Quốc gia	Quyển	6
25	Tra cứu sử dụng Thuốc và biệt dược	Quyển	6
26	Phần mềm quản lý nhà thuốc	Bộ	1
27	Các loại hồ sơ sổ sách theo quy định “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc”	Bộ	1
28	Thuốc thực hành	Nhóm	30

## II. NHÀ GIÁO

1. Tổng số nhà giáo Liên thông trình độ cao đẳng ngành Dược: 100
2. Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 350/100
3. Danh sách nhà giáo

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b>	<b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>	<b>Trình độ kỹ năng nghề</b>	<b>Môn học được phân công giảng dạy</b>
1	Hồ Lương Nhật Vinh	Thạc sỹ dược	x		Thực vật; Dược liệu; Pháp chế dược

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
2	Đỗ Thị Huyền Trang	Dược sỹ đại học	x		Hóa học đại cương - Vô cơ; Hóa hữu cơ; Dược lâm sàng
3	Dương Thị Phương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý 1; Dược lý 2; Dược lâm sàng
4	Dương Thị Thúy Ngân	Dược sỹ đại học	x		Hóa học đại cương - Vô cơ; Hóa dược; Thực tập Dược lâm sàng
5	Bùi Thị Quỳnh Nga	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Hóa hữu cơ; Kiểm nghiệm
6	Vũ Thị Thùy Dương	Dược sỹ đại học	x		Dược lý 1; Dược lý 2; Thực tập Dược lâm sàng
7	Cao Hoàng Hải	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2; Hóa dược
8	Lưu Thị Hồng Vân	Dược sỹ đại học	x		Dược lý 1; Dược lý 2; Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc
9	Hoàng Hải Yến	Dược sỹ đại học	x		Hóa dược; Dược lý 1; Dược lý 2
10	Hoàng Thị Kim Luyến	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu;
11	Hoàng Thu Trang	Dược sỹ đại học	x		Hóa học đại cương - Vô cơ; Hóa hữu cơ; Dược lâm sàng
12	Lương Đức Thịnh	Dược sỹ đại học	x		Quản lý dược; Khởi tạo doanh nghiệp; Pháp chế dược
13	Hà Vũ Huy	Thạc sỹ	x		Hóa học đại cương - Vô cơ; Hóa hữu cơ; Thực tập Dược lâm sàng
14	Lý Thu Thương	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Hóa hữu cơ; Thực tập Dược lâm sàng
15	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc; Quản trị kinh doanh và kinh tế dược
16	Nguyễn Thị Mười	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2; Quản trị kinh doanh và kinh tế dược
17	Nguyễn Thị Thắng	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Kiểm nghiệm; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
18	Trần Thị Thu Huyền	Dược sỹ đại học	x		Hóa phân tích; Hóa dược; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
19	Lê Thanh Liêm	Dược sỹ đại học	x		Quản lý dược; Kiểm

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
					nghiệm; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
20	Lê Thanh Nghị	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2; Quản trị kinh doanh và kinh tế dược
21	Lê Thị Nhật Ánh	Dược sỹ đại học	x		Bào chế 1; Bào chế 2; Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng
22	Lê Thu Hoài	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu
23	Hoàng Thị Tuyết Mai	Cao đẳng dược	x		Kiểm nghiệm
24	Phạm Thị Thanh Nga	Cao đẳng dược	x		Kiểm nghiệm
25	Trần Diệu Linh	Dược sỹ đại học	x		Hoá học đại cương - Vô cơ; Kiểm nghiệm
26	Triệu Hải	Dược sỹ CKI	x		Quản lý dược; Khởi tạo doanh nghiệp; Pháp chế dược
27	Vũ Thị Nguyên	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu; Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc
28	Triệu Thị Dung	Dược sỹ đại học	x		Thực vật; Dược liệu
29	Khúc Thị Tuyết Hường	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
30	Nguyễn Minh Tuấn	PGS -TS Y học	x		Thực tập cộng đồng
31	Nguyễn Thanh Hòa	Bác sỹ YHDP	x		Thực tập cộng đồng
32	Nguyễn Văn Quang	Bác sỹ YHDP	x		Thực tập cộng đồng
33	Trần Ngọc Thủy	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
34	Lê Hải Yến	Thạc sỹ	x		Thực tập cộng đồng;
35	Hoàng Anh Tuấn	Tiến sỹ Y học	x		Thực tập cộng đồng
36	Phan Việt Nga	Bác sỹ đa khoa	x		Dược cổ truyền
37	Nguyễn Hoa Ngân	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
38	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
39	Dương Trọng Tấn	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
40	Lương Thị Viên	Cử nhân	x		Dược cổ truyền
41	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
42	Nguyễn Văn Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		Giải phẫu - Sinh lý
43	Mưu Thị Lệ	Bác sỹ đa khoa	x		Giải phẫu - Sinh lý; Bệnh học
44	Lương T. Lan Phương	Cử nhân Điều dưỡng	x		Bệnh học
45	Mai Hoàng Anh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Bệnh học
46	Hoàng Việt Ngọc	BS Chuyên Khoa II	x		Giải phẫu - Sinh lý; Bệnh học
47	Nông Thị Tuyền	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Trình độ chuyên môn được đào tạo</b>	<b>Trình độ nghiệp vụ sư phạm</b>	<b>Trình độ kỹ năng nghề</b>	<b>Môn học được phân công giảng dạy</b>
48	Phùng Thị Tuyết Nga	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
49	Trần Văn Lợi	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Bệnh học
50	Nguyễn Anh Tú	Thạc sỹ	x		Bệnh học
51	Hoàng Việt Thái	Cử nhân Điều dưỡng	x		Bệnh học
52	Đào Trọng Tuyên	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
53	Lê Hoài Nam	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
54	Hoàng Thị Đan	Bác sỹ đa khoa	x		Giải phẫu - Sinh lý; Bệnh học
55	Hoàng Thị Phương Thanh	Bác sỹ đa khoa	x		Giải phẫu - Sinh lý; Bệnh học
56	Nguyễn Thị Hồng	Bác sỹ đa khoa	x		Giải phẫu - Sinh lý; Bệnh học
57	Chu Thị Thùy Linh	Thạc sỹ Điều dưỡng	x		Bệnh học; Thực tập tốt nghiệp
58	Nguyễn Đức Quế	ĐD Chuyên Khoa I	x		Bệnh học; Thực tập tốt nghiệp
59	Hoàng Thị Ngọc Bích	BS Chuyên Khoa II	x		Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
60	Nguyễn Thị Hoa	Bác sỹ đa khoa	x		Giải phẫu - Sinh lý; Dược lâm sàng
61	Đào Minh Tuyết	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
62	Phan Thanh Ngọc	Thạc sỹ Y học	x		Dược lâm sàng
63	Nguyễn Giang Nam	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
64	Nguyễn Minh Chung	Cử nhân Điều dưỡng	x		Thực tập Dược lâm sàng
65	Dương Ngọc Anh	BS Chuyên Khoa I	x		Thực tập Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
66	Huỳnh Phước Điền	BS Chuyên Khoa I	x		Thực tập Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
67	Lê Thị Bình	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
68	Hoàng Thị Quỳnh	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
69	Lê Thị Hà Giang	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
70	Dương Thúy Quỳnh	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
71	Vũ Thu Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
72	Bế Thu Hà	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
73	Nguyễn Kim Thành	BS Chuyên Khoa II	x		Thực tập Dược lâm sàng; Thực tập tốt nghiệp
74	Nguyễn Bá Thắng	Thạc sỹ	x		Thực tập Dược lâm sàng
75	Dương Ngọc Trang	Bác sỹ đa khoa	x		Thực tập Dược lâm sàng
76	Vũ Thị Hiền	Thạc sỹ Y học	x		Thực tập Dược lâm sàng
77	Lường Thị Thời	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
78	Vi Văn Quân	Cử nhân Điều dưỡng	x		Dược cổ truyền
79	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền
80	Hoàng Việt Dũng	Thạc sỹ Y học	x		Dược cổ truyền

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học được phân công giảng dạy
81	Dương Thị Quyên	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
82	Nguyễn Xuân Huỳnh	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
83	Trần Thị Hải	Bác sỹ YHCT	x		Dược cổ truyền
84	Nguyễn Thị Lập	Bác sỹ đa khoa	x		Bệnh học
85	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Bác sỹ đa khoa	x		Bệnh học
86	Hoàng Thị Thương	CĐ Điều dưỡng	x		Bệnh học
87	Phạm Thị Phượng	Cử nhân Hộ sinh	x		Bệnh học
88	Bùi Thị Thu Hằng	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
89	Nguyễn Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Bệnh học
90	Nguyễn Thị Hà Giang	Bác sỹ YHDP	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
91	Nguyễn Văn Tĩnh	Thạc sỹ Y học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
92	Ngô Thúy Hà	Thạc sỹ Y học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
93	Phạm Thị Ngọc Diệp	Thạc sỹ Sinh học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
94	Tạ Phương Thùy	Thạc sỹ Sinh học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
95	Hoàng Thị Thúy Hằng	Tiến sỹ Sinh học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng
96	Lê Thị Huyền Trang	Bác sỹ YHDP	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh
97	Ngô Thị Hiếu	Thạc sỹ Y học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh
98	Hoàng Thị Tuyết	BS Chuyên Khoa I	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh
99	Đinh Đức Thọ	Cử nhân Kỹ Thuật Y học	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh
100	Đào Thị Huệ	Chuyên khoa I xét nghiệm	x		Vi sinh - Ký sinh trùng; Hóa sinh

### III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGÀNH DƯỢC

Tên ngành: DƯỢC

Mã ngành: 6720201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề trở lên

Thời gian đào tạo: 2 năm

#### 1. Mục tiêu đào tạo

##### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người dược sỹ là nhân lực trực tiếp làm các công việc như phòng thí nghiệm của các cơ sở đào tạo, nghiên cứu; viện, trung tâm, phòng kiểm nghiệm; các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc, kho thuốc; bộ phận dược của các cơ sở y tế như bệnh viện các tuyến, trung tâm y tế, trạm y tế, phòng khám chữa bệnh..., có năng lực hành nghề tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh

hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

### **1.2.1. Kiến thức**

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa sinh, hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, thực vật vào chuyên môn Dược.

- Trình bày được những đặc điểm chính (dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định) của các thuốc, vắc xin; phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi; phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.

- Trình bày được tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của một số vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu.

- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc; phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế; mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc.

- Trình bày được quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm; liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm thuốc và nguyên liệu làm thuốc; trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng.

- Trình bày được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt trong thực hành nghề nghiệp; các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế.

- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, Marketing dược trong hành nghề.

- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược.

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về giáo dục chính trị, pháp luật, các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân nói chung, liên quan đến ngành Dược nói riêng.

### **1.2.2. Kỹ năng**

- Thực hiện thành thạo được các kỹ thuật bào chế thuốc cơ bản, áp dụng được các quy trình bào chế các dạng thuốc vào lĩnh vực sản xuất, đồng thời thực hiện việc pha chế một số thuốc tại cơ sở y tế.

- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định. pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định; kiểm nghiệm được một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển.

- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và một số vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;

- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;

- Xây dựng được mối quan hệ thân thiện, hợp tác, tin tưởng với người bệnh, người chăm sóc, khách hàng và cộng đồng. Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp hiệu quả nhằm khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của người bệnh; xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ; tư vấn, lựa chọn thuốc và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn, hiệu quả, hợp lý.

- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao tại khoa Dược bệnh viện, Công ty phân phối thuốc, Nhà thuốc và quầy thuốc. Đồng thời có khả năng tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá công việc hiệu quả; thu thập và xử lý thông tin một cách khách quan, chính xác và đưa ra quyết định phù hợp.

- Sử dụng được ngoại ngữ và tin học cơ bản, ứng dụng được ngoại ngữ, tin học vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### *1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm*

- Tuân thủ các nguyên tắc, các quy định về an toàn lao động; nguyên tắc sử dụng bảo dưỡng các trang thiết bị trong ngành dược; chịu trách nhiệm về quá trình kiểm nghiệm; về chất lượng, lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả.

- Có khả năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá thông tin; thông tin một cách hiệu quả, tin cậy tới các đối tượng khác nhau.

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm để cùng đạt tới mục tiêu chung và hướng dẫn, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của các thành viên trong nhóm.

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.

- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện hành nghề theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, các quy chế chuyên môn để thiết lập môi trường làm việc an toàn, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo cao đẳng Dược, người học sẽ làm việc trong các cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế, Viện kiểm nghiệm, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, thực phẩm, mỹ phẩm...); cơ sở sản xuất, kinh doanh Dược... của nhà nước hoặc tư nhân.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học**

- Số lượng môn học/ mô đun: 26

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 90 tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung /đại cương: 0

- Khối lượng các môn học/ mô đun chuyên môn: 2190 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 679 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1386 giờ

## 3. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng giờ	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>		<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>					
1	MĐ201	Hoá học đại cương - Vô cơ	3	75	14	56	5
2	MĐ202	Vi sinh - Ký sinh trùng	2	45	14	28	3
3	MH207	Giải phẫu- Sinh lý	3	60	28	28	4
4	MĐ203	Hóa phân tích	3	75	14	56	5
5	MĐ204	Hoá sinh	2	45	14	28	3
6	MĐ205	Hoá hữu cơ	3	75	14	56	5
7	MH208	Thực vật	3	60	28	28	4
8	MH209	Bệnh học	4	60	56	0	4
		<b>Tổng</b>	<b>23</b>	<b>495</b>	<b>182</b>	<b>280</b>	<b>33</b>
<b>II</b>		<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>					
9	MĐ206	Dược liệu	3	75	14	56	5
10	MH210	Quản lý dược	3	45	43	0	2
11	MĐ207	Bào chế 1	4	90	28	56	6
12	MĐ208	Bào chế 2	4	90	28	56	6
13	MĐ209	Hóa dược	4	90	28	56	6
14	MH211	Dược lý 1	4	75	43	28	4
15	MH212	Dược lý 2	4	75	43	28	4
16	MH213	Kiểm nghiệm	4	90	28	56	6
17	MH214	Quản lý tồn trữ thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc	3	60	29	28	3
18	MH215	Dược lâm sàng	4	75	43	28	4
19	MH216	Thực tập Dược lâm sàng	4	180	0	172	8
20	MH217	Dược cổ truyền	4	90	28	56	6
21	MH218	Marketing Dược và kỹ năng giao tiếp bán hàng	4	75	43	28	4
22	MH219	Quản trị kinh doanh và kinh tế dược	4	75	43	28	4
23	MH220	Thực tập cộng đồng	2	90	0	86	4
24	MH221	Thực tập tốt nghiệp	8	360	0	344	16
		<b>Tổng</b>	<b>63</b>	<b>1635</b>	<b>441</b>	<b>1106</b>	<b>88</b>
<b>II.3</b>		<b>Môn học, mô đun tự chọn</b>					
25		<i>Tự chọn 1 (Chọn 1 trong các môn học sau)</i>	2	30	28	0	2
25a	MH222	Khởi tạo doanh nghiệp					

TT	Mã môn học	Tên môn học, Mô đun	Tổng tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
				Tổng giờ	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
25b	MH223	<i>Dược lâm sàng và điều trị</i>					
25c	MH224	<i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học</i>					
25d	MH225	<i>Tiếng anh chuyên ngành</i>					
26		<i>Tự chọn 2 (chọn 1 trong các môn học chuyên sâu)</i>	2	30	28	0	2
26a	MH226	<i>Pháp chế dược</i>					
26b	MH227	<i>Dược động học lâm sàng</i>					
		<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>60</b>	<b>56</b>	<b>0</b>	<b>4</b>
		<b>Tổng toàn chương trình</b>	<b>90</b>	<b>2190</b>	<b>679</b>	<b>1386</b>	<b>125</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Thực hiện theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Dược và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành Dược theo quy định của trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn**